



TỈNH BẠC LIÊU

Tài liệu

SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 11



BIÊN TẬP: BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ĐOÀN BẠC LIÊU

I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của giáo dục của đất nước. Theo Người: *“một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”*; cả cuộc đời, người chỉ có *“một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập... đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”*.



COI TRỌNG TÀI VÀ ĐỨC

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo dục có một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng. Người chỉ rõ nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục vì con người, có vai trò huấn luyện, bồi dưỡng, phát triển toàn diện con người Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của nền giáo dục là *“phải phục tùng đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống của nhân dân học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế”*. Giáo dục phải góp phần đào tạo ra được những người lao động mới. Đó là những người có lòng yêu nước nồng nàn, *“trung với nước, hiếu với dân”*, có đạo đức cách mạng trong sáng, có chí khí hăng hái vươn lên, không quản ngại khó khăn, gian khổ, hy sinh, có tinh thần gan dạ, dũng cảm, khiêm tốn, thật thà, cần cù, tiết kiệm, trong sạch, giản dị, có tri thức và sức khỏe để trở thành những người chủ tương lai của đất nước, *“những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng, vừa chuyên”*.

Với một tầm nhìn thời đại và tư duy toàn cầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những mục tiêu của giáo dục là *“đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, phát triển toàn diện con người, thúc đẩy hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”*. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. *“Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”*; *“Học để sửa chữa tư tưởng”*; *“Học để tu công đạo đức cách mạng”*; *“Học để tin tưởng”*...

Muôn đạt được những mục tiêu đó, nội dung giáo dục phải toàn diện, phù hợp với tính chất của trường học dưới chế độ mới; phù hợp với đặc điểm Việt Nam trong bối cảnh chung của thế giới. Nội dung đó bao gồm cả văn hóa, chuyên môn nghề nghiệp, các ngành nghề liên quan trực tiếp tới công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các lĩnh vực an ninh, quốc phòng liên quan tới sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc..

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng giáo dục phải có tính toàn diện, trong đó giáo dục đạo đức là gốc rễ, nền tảng. Trong thư gửi các em học sinh nhân ngày mở trường 24/10/1955, Người nhấn nhủ việc giáo dục gồm có:

- Thể dục: Để làm thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ vệ sinh riêng và vệ sinh chung.
- Trí dục: Ôn lại những điều đã học, học thêm những tri thức mới.
- Mỹ dục: Để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp.
- Đức dục: *“Là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công”*.

Cả bốn nội dung trên của giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát lại trong hai chữ *“tài”* và *“đức”*.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong giáo dục, kiến thức là rất cần thiết, nhưng Người cũng chỉ ra rằng, đạo đức đóng vai trò quan trọng không kém. Người khẳng định: *“Giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản... thì còn làm nổi việc gì?”*.

Nói chuyện với cán bộ sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 21/10/1964, Người chỉ rõ: *“Dạy cũng như học phải chú trọng đến cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng”*. Trong bức thư gửi giáo viên, học sinh, cán bộ và thanh niên ngày 31/10/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: *“Đối với Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà. Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế”*.

Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công” .

ĐỔI MỚI VỀ PHƯƠNG CHÂM, PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC, XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC

Để đạt được mục tiêu đề ra và nội dung giáo dục trở thành hiện thực, cần phải có phương châm, phương pháp giáo dục đúng đắn, nhằm làm cho học sinh học tập, rèn luyện một cách tự giác và tích cực để tiếp thu được nội dung giáo dục, chuyển hoá nội dung giáo dục thành phẩm chất tốt đẹp của nhân cách.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi giáo dục là một mặt trận quan trọng, giáo dục cho tất cả mọi người và làm sao hướng tới cả dân tộc được học, mọi người được học Ý tưởng kiến tạo “*nền giáo dục cho tất cả mọi người*” đã được Hồ Chí Minh đề ra và luôn theo đuổi trên con đường cách mạng. Năm 1919, trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Véc-xây, Người nêu rõ điểm thứ 6 ghi rõ phải có quyền “*Tự do học tập*” cho tất cả các giai tầng ở Việt Nam. Học tập, giáo dục không phải là đặc quyền của riêng một nhóm người nào, mà là quyền chung, quyền cơ bản của tất cả mọi người, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi, giới tính trong xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, học và hành là hai khâu của quá trình nhận thức gắn bó khăng khít với nhau, chỉ khi học đi đôi với hành, học tập kết hợp với lao động sản xuất thì người học mới rèn luyện được cả tri thức và kỹ năng, mới gắn tri thức với thực tiễn xã hội. Người chỉ rõ: “*Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên. Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem loè thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích. Vì vậy, chúng ta phải gắng học, đồng thời học thì phải hành...*”

Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Người nhấn mạnh “*Giáo dục các em là việc chung của gia đình, của trường học và xã hội. Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ trách; trước hết là phải làm gương cho các em trước mọi việc*”. Vì vậy, giáo dục phải kết hợp cả ba khâu giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội. Người nhận thấy, “*trồng người*” là sự nghiệp vẻ vang nhưng rất công phu, bền bỉ, khó khăn và phải có sự phối hợp của nhiều lực lượng mới đạt kết quả tốt.

Quan điểm kết hợp giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội của Người đã trở thành phương châm giáo dục được các cấp quản lý và các cơ sở giáo dục cố gắng thực hiện. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở những người làm công tác giáo dục phải nhận thức đúng đắn giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp, các ngành và toàn dân, kết quả giáo dục tùy thuộc rất nhiều vào sự tham gia tích cực, sự giúp

đỡ thiết thực và sự giác ngộ về trách nhiệm đối với giáo dục của các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp và toàn xã hội. Để có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội cần phát huy dân chủ, xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa thầy với thầy, giữa thầy và trò, giữa học trò với nhau, giữa nhà trường với nhân dân. Để gắn kết các yếu tố nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục cần chú trọng các phong trào thi đua. Người dành sự quan tâm chỉ đạo cụ thể, sát sao các phong trào thi đua, như phong trào “*Người tốt, việc tốt*” trong toàn quốc, phong trào “*Dạy tốt - học tốt*” trong nhà trường, đề xuất công tác Trần Quốc Toản, phong trào “*Kế hoạch nhỏ*” cho các cháu thiếu niên và nhi đồng... nhằm tạo nên môi trường xã hội rộng lớn và thuận lợi cho công tác giáo dục. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một nền giáo dục mới hướng vào các giá trị dân tộc, nhân văn, đồng thời kết hợp chặt chẽ với những tinh hoa văn hóa nhân loại. Nền giáo dục đó phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cách mạng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đất nước, do đó khi tình hình thực tiễn có sự thay đổi thì nền giáo dục cũng phải có sự điều chỉnh, đổi mới cho hợp với hoàn cảnh mới.

ĐỔI MỚI VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dạy học nhằm phát triển trí tuệ, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Trong giáo dục, người học bao giờ cũng là trung tâm, Hồ Chí Minh luôn lưu ý những người dạy, những nhà giáo phải chú ý tới đặc điểm của đối tượng, phải “*đóng giày theo chân*”, không phải “*khoét chân cho vừa giày*”. Điều này đòi hỏi người thầy phải bám sát, hiểu rõ đặc điểm đối tượng người học từ đó có phương pháp dạy phù hợp nhằm đảm bảo tính vừa sức. Người nhiều lần bày tỏ quan điểm chống lại cách dạy, cách học không hướng vào sự phát triển của người học, không kích thích sự suy nghĩ trong học tập. Người yêu cầu phải tránh lối dạy nhồi sọ. Người thầy cần phải có phương pháp dạy sao cho phát huy tốt tính chủ động, sáng tạo của người học. Cần phải thực hành dân chủ trong giáo dục. Đối với mọi vấn đề “*thầy và trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì đều thật thà phát biểu. Điều gì chưa thông suốt, thì hỏi, bàn cho thông suốt*”. Đây là quan điểm mới trái ngược với phương pháp giáo dục nhồi sọ, áp đặt của chế độ thực dân, phong kiến.

Hồ Chí Minh rất chú trọng đến tính thiết thực của việc dạy. Người nhiều lần nhắc nhở phải tránh lối dạy học ôm đồm, chạy theo số lượng, chạy theo thành tích, vừa không đạt hiệu quả đặt ra, vừa gây tốn kém, lãng phí cả về thời gian, công sức và tiền của. Người cho rằng giáo dục phải bảo đảm tính vừa sức, phải căn cứ vào đặc điểm của đối tượng, trình độ, năng lực và tâm lý người học, không nên tham nhiều sẽ tạo tâm lý chán nản, không hứng thú trong học tập, vì thế sẽ không phát triển trí tuệ, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.

Trong toàn bộ di sản tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng về tự học, đặc biệt là tấm gương mẫu mực tự học và học suốt đời của Người là bài học vô cùng quý giá đối với các thế hệ người Việt Nam, vấn đề cơ bản nhất, nổi

bật nhất là vấn đề xây dựng và hoàn thiện con người thông qua hoạt động giáo dục và tự giáo dục. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), khi nói về công tác huấn luyện cán bộ, Người đã có những chỉ dẫn xác đáng “*Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào*”. Sau này, khi nói về công tác huấn luyện và học tập (năm 1950), Người lại nhấn mạnh: “*Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học*”. Những lời dạy ngắn gọn của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nổi bật lên tính cần thiết của việc tự học và mối liên hệ khăng khít của các chủ đề tham gia vào quá trình tự học.

Học tập là công việc đòi hỏi mỗi người phải luôn tự trau dồi kiến thức của mình qua nhiều hình thức học tập đa dạng, học mọi nơi, mọi lúc. Hồ Chí Minh lưu ý: “*Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót lớn*”. Với Người học tập là một việc suốt đời, là một nhiệm vụ cách mạng. Xã hội ngày càng phát triển, công việc ngày càng nhiều, máy móc ngày càng tinh xảo, để không lạc hậu, không bị đào thải, phải không ngừng học tập. Người khẳng định “*Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ, càng thấy phải học thêm*”. Sự học là vô cùng vì “*dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải mình trước*”.

LUÔN ĐỀ CAO VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ THẦY CÔ GIÁO

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi thầy giáo, cô giáo phải là những người chiến sĩ trên mặt trận giáo dục; là “*những người vẻ vang nhất, là những người anh hùng vô danh*”. Người luôn có sự tin tưởng và mong muốn các thế hệ học sinh không ngừng cố gắng học tập, rèn luyện tốt để mai sau trở thành những người có ích cho Tổ quốc.

Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường tháng 9/1945, Người viết: “*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn công học tập của các em*”. Lời dạy của Người đã hiệu triệu, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ hàng triệu thầy giáo, cô giáo và các em học sinh trên cả nước tích cực thi đua dạy tốt - học tốt; trở thành chỉ dẫn mang tính chân lý phát triển của Việt Nam từ một nước nông nghiệp, lạc hậu, bị thực dân, đế quốc đàn áp, bóc lột đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây chính là một lời khẳng định của Người về vị trí, vai trò to lớn của giáo dục.

Theo Hồ Chí Minh, vấn đề then chốt quyết định chất lượng giáo dục là xây dựng đội ngũ những nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Bởi vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục, phải xây dựng đội ngũ những người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo. Đó là những người yêu nghề, yêu trường, hết lòng thương yêu, chăm sóc, giáo dục học sinh, không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng “*khó khăn thì phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ*”. Phải thường xuyên tự bồi dưỡng, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm để thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo; chủ động thích

ứng với điều kiện và đối tượng trong quá trình dạy - học hiện nay. Cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy “*người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình*”. Người dẫn lại câu nói của Khổng Tử: “*Học không biết chán, dạy không biết mỏi*”, và lời dạy của Lênin: “*Học, học nữa, học mãi*” để nhấn mạnh rằng người huấn luyện nào tự cho mình là đã biết đủ rồi thì người đó dốt nhất.

Người luôn nhắc nhở các nhà giáo và cán bộ quản lý phải thanh liêm, trung thực, biết đặt lợi ích của đất nước, của nhà trường lên trên lợi ích cá nhân: “*Cô giáo, thầy giáo trong chế độ ta cần phải góp phần vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải có chí khí cao thượng, phải “tiên ưu hậu lạc” nghĩa là khó khăn thì phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ. Đây là đạo đức cách mạng*” và “*Thầy và trò phải luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho*”...

Bên cạnh việc nêu lên những điều mà nhà giáo phải làm cho tốt, Người còn dặn dò các thầy, cô giáo và cán bộ quản lý không được đánh mất phẩm chất của mình, dù hoàn cảnh nào cũng phải là tấm gương cho học sinh noi theo, tránh thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống thực tế, lười biếng trong học tập và nâng cao trình độ; thái độ kèn cựa địa vị, xem nhẹ công việc của mình, thiếu tinh thần xây dựng tập thể... và quyết tâm: “*Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt*”.

Có thể khẳng định, những quan điểm sáng tạo, tấm gương về tự học và học tập suốt đời và đổi mới về giáo dục của Hồ Chí Minh chính là nền tảng tư tưởng cho việc thực hiện công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục của Đảng và Nhà nước ta trong 35 năm đổi mới và tiếp tục được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài...*” và “*xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới có tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*”.

(Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương)

II. DI TÍCH LỊCH SỬ TRONG NƯỚC

ĐÌNH LONG HUNG: NƠI TỔ CHỨC PHIÊN TOÀ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN

Đình Long Hưng thuộc xã Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay nằm trong khuôn viên Di tích lịch sử Nam Kỳ khởi nghĩa, thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) được Tòa án nhân dân (TAND) cách mạng tỉnh Mỹ Tho chọn làm nơi tổ chức phiên tòa đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam để xét xử bọn tay sai ác ôn.

Đây cũng là nơi được Tỉnh ủy Mỹ Tho chọn làm trụ sở của Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho. Tại đây, lần đầu tiên trên cả nước, lá Cờ đỏ sao vàng tung bay trên ngọn cây bàng, đây cũng là địa điểm ra đời của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Mỹ Tho.



Bia ghi dấu ấn địa điểm xét xử đầu tiên ở Nam bộ được xây dựng trong khuôn viên Di tích lịch sử Nam Kỳ khởi nghĩa (Khu Di tích lịch sử cấp Quốc gia Đình Long Hưng)

Tòa án nhân dân cách mạng ra đời

Tại tỉnh Mỹ Tho, vào lúc 20 giờ ngày 22/11/1940, Lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy Nam Kỳ được chuyển đến địa điểm liên lạc của Tỉnh ủy Mỹ Tho tại xã Trung An. Từ nửa đêm 22 đến rạng sáng ngày 23/11/1940, Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở tỉnh Mỹ Tho đã nổ ra ở một số trung tâm. Ngay trong ngày 23/11/1940, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho, trước hơn 3.000 đồng bào đến dự, chính quyền cách mạng tỉnh Mỹ Tho đã được thành lập và ra mắt nhân dân tại Đình Long Hưng.

Cùng ngày, tại Đình Long Hưng, chính quyền cách mạng cũng đã quyết định thành lập TAND cách mạng tỉnh Mỹ Tho. Đây là lần đầu tiên ở nước ta,

TAND cách mạng cấp tỉnh được thành lập. Như vậy, ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa, những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Mỹ Tho đã biết thực hiện quyền tư pháp, chủ yếu là quyền xét xử là một trong những chức năng quan trọng của chính quyền cách mạng và giao cho TAND thực hiện. TAND cách mạng có vị trí rất quan trọng trong bộ máy Nhà nước dân chủ cộng hòa mới hình thành. Trụ sở TAND cách mạng tỉnh Mỹ Tho (được đóng tại Đình Long Hưng) cũng là nơi được TAND cách mạng tỉnh Mỹ Tho tổ chức phiên tòa đầu tiên xét xử bọn tay sai gian ác.

Khi thành lập, Hội đồng TAND cách mạng gồm 10 đồng chí: Nguyễn Hữu Thường (Bảy Thường), Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho - Chánh án; Nguyễn Văn Ghè (Bảy Ghè), Quận ủy viên quận Châu Thành; Lê Văn Giác (Năm Giác), Bí thư Chi bộ xã Long Hưng, quận Châu Thành; Đặng Văn Hiệp (Tur Hiệp); Nguyễn Thị Thập (Mười Thập) Thường trực Ủy ban khởi nghĩa, Đặc phái viên Tỉnh ủy Mỹ Tho làm nhiệm vụ biện hộ; Nguyễn Văn Quới (Bảy Quới), Quận ủy viên quận Châu Thành; Nguyễn Văn Huân (Hai Huân); Nguyễn Văn Cò (Ba Cò); Trương Văn Ty và Lê Văn Vĩ.

Khi quân Pháp đàn áp quân khởi nghĩa, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh và Ủy ban cách mạng tỉnh Mỹ Tho tổ chức cuộc họp, nhận định: Tình hình sẽ diễn biến gay go, phức tạp và khó khăn hơn. Vì vậy, chúng ta cần thực hiện một số việc cấp bách, trong đó có việc: Phải xử cho hết những tù nhân mà cách mạng bắt, gồm những tên phản động, cai đồn bắt được ở các đồn Cầu Đúc, Tân Hiệp, Tân Hương, Tân Lý, Xoài Hột, Vĩnh Kim, Bình Trung... Sở dĩ phải xử ngay, vì ở đây bom đạn Pháp tiến công sẽ nguy hiểm cho họ...

Phiên tòa đầu tiên

Tối ngày 29/11/1940, phiên tòa đầu tiên xét xử bọn tay sai được tiến hành tại Đình Long Hưng, Hội đồng TAND cách mạng xử cảnh cáo tên Hương quản Sâm (ở xã Long Định) và Cai Trí (Bùi Văn Trí) bị ta bắt tại đồn Thạnh Phú. Đồng chí Nguyễn Thị Thập, đại diện Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho ngồi ghế biện sự bên vực quyền lợi cho các bị cáo. Thực chất, đây là đợt sinh hoạt chính trị cho nhân dân trong vùng, nhằm phân biệt bạn thù, tốt xấu, nhận thức rõ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách khoan hồng của cách mạng. Trong 3 đêm xét xử khẩn trương, nghiêm túc (từ đêm 29/11 đến đêm 01/12/1940), cả 2 đều cúi đầu nhận tội và đã được hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng.

Theo các tài liệu, chính quyền cách mạng tỉnh Mỹ Tho trong Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tồn tại được hơn 40 ngày. Trong thời gian này, TAND cách mạng tỉnh Mỹ Tho đã xét xử hàng chục vụ án tại các xã của quận Châu Thành, Cai Lậy và tại Đình Long Hưng đối với những tên phản cách mạng, bọn Việt gian, tay sai gian ác. Lúc đầu, TAND cách mạng thường tổ chức xử lưu động ở một vài làng, nhưng sau gặp nhiều khó khăn nên tập trung đưa những người có tội, chủ yếu là chống phá cách mạng về xử tại Đình Long Hưng.

TAND cách mạng đã xét xử tên ác ôn khét tiếng Cai Vi ở xã Vĩnh Kim. Trong buổi xét xử này, có gần 1.000 quần chúng tham dự. Sau phân tích tội ác

của tên ác ôn này đã gây ra tại xã Vĩnh Kim cũng như trong khu vực, nhân dân xét thấy không thể tha thứ được và đề nghị TAND cách mạng xét án tử hình. Thuận theo nguyện vọng của nhân dân, TAND cách mạng tuyên án tử hình. Trong cuộc khởi nghĩa, đây là trường hợp duy nhất TAND cách mạng tuyên án tử hình. Việc tòa án xử công khai, có đông đảo quần chúng tham dự và trực tiếp tham gia luận tội đã thật sự tôn trọng quyền quyết định của nhân dân, thể hiện tính dân chủ của một TAND cách mạng.

Tuy chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, nhưng chính quyền là của nhân dân, tòa án là của nhân dân, nhân dân được tham gia xét xử và luận tội những tên Việt gian, phản động, trừng trị bọn phản cách mạng và bảo vệ quyền lợi của cách mạng, của nhân dân. Trong hoạt động xét xử, Hội đồng xét xử của TAND cách mạng đã căn cứ vào các chính sách cụ thể của Xứ ủy đề ra trong Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ để xét xử hiện rõ sự công bằng và nhân đạo, cụ thể là: Khoan hồng đối với người lầm lạc; bảo vệ quyền lợi nhân dân; tôn trọng tự do tín ngưỡng; hủy bỏ các khế ước giao kèo có tính chất áp bức nhân dân; tịch thu địa bạ của bọn địa chủ phản động để luận tội và kết án. Việc làm của TAND cách mạng tỉnh Mỹ Tho có vị trí đặc biệt quan trọng trong thể chế Dân chủ cộng hòa mới hình thành; là chỗ dựa của nhân dân trong bảo vệ công lý; là công cụ bảo vệ chính quyền cách mạng và quyền công dân; là biểu tượng của công lý: Bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến quyền lợi quốc gia, dân tộc đều bị nghiêm trị.



Đồng chí Nguyễn Thị Thập và các đồng chí tham gia Khởi nghĩa ngày 23/11/1940 chụp ảnh lưu niệm trước nhà ông Ba Biện tại khu căn cứ cũ.

Truyền thống tòa án nhân dân

83 năm đã trôi qua (1940 - 2023), nhưng sự xuất hiện của TAND cách mạng tỉnh Mỹ Tho đã để lại dấu ấn không bao giờ phai mờ trong lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử ngành Tư pháp cách mạng nói riêng. Nhằm tri ân các thế hệ cách mạng đã không tiếc máu xương cho nền độc lập của dân tộc và xây dựng nên truyền thống của hệ thống TAND nói chung và TAND tỉnh Tiền Giang nói riêng,

để không ngừng giữ gìn và phát huy truyền thống quý báu đó đối với các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống Tòa án; ghi nhận một cách chính thức về lịch sử, bằng những việc làm cụ thể để các sự kiện lịch sử nêu trên được lưu giữ như là một biểu tượng về tính cách mạng của nền tư pháp nước ta, góp phần xây dựng nên truyền thống cách mạng của hệ thống TAND. Xuất phát từ ý nghĩa và yêu cầu đó, TAND tỉnh Tiền Giang đã báo cáo Ban cán sự đảng TAND tối cao, Thường trực Tỉnh ủy Tiền Giang cho ý kiến trong việc thu thập tài liệu lịch sử, tổ chức hội thảo về sự kiện thành lập TAND và địa điểm mở phiên tòa cách mạng đầu tiên trong Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940.

(Nguồn: tiengiang.gov.vn)

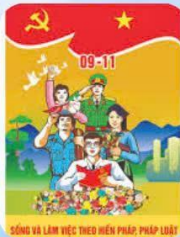
III. THEO DÒNG LỊCH SỬ



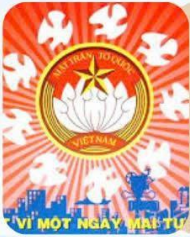
TỈNH BẠC LIÊU Theo dòng lịch sử **THÁNG 11**



Kỷ niệm 107 năm
Ngày cách mạng Tháng Mười Nga
(07/11/1917 - 07/11/2024)



Kỷ niệm 11 năm
Ngày Pháp luật nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
(09/11/2013 - 09/11/2024)



Kỷ niệm 94 năm
Ngày truyền thống
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
(18/11/1930 - 18/11/2024)



Kỷ niệm 42 năm
Ngày Nhà giáo Việt Nam
(20/11/1982 - 20/11/2024)



Kỷ niệm 84 năm
Ngày Khởi nghĩa Nam Kỳ
(23/11/1940 - 23/11/2024)



Kỷ niệm 78 năm
Ngày thành lập Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
(23/11/1946 - 23/11/2024)



Kỷ niệm 204 năm
Ngày sinh Ph.Ăng-ghen
(28/11/1820 - 28/11/2024)



IV. LỊCH SỬ CÁC NGÀY LỄ, KỶ NIỆM

Lịch sử Ngày truyền thống Mặt trận tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 – 18/11/2024)

Trong lịch sử Việt Nam, từ năm 1930 đến nay, không có thời kỳ nào vắng bóng tổ chức Mặt trận. Lịch sử Cách mạng Việt Nam đã khẳng định Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam là vũ khí chính trị không thể thiếu được để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của mình trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.



Nhân dân miền Bắc nghe đọc cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Cách đây 93 năm, giữa lúc cao trào cách mạng đầu tiên mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh đang diễn ra rầm rộ ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị thành lập Hội phản đế đồng minh, hình thức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Mặt trận nhằm đoàn kết các đảng phái, giai cấp, nhân sĩ trí thức Việt Nam và nòng cốt là liên minh công - nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh chống đế quốc, xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Hội nghị Trung ương Đảng (11/1936) quyết định thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, đến tháng 3/1938 đổi tên thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận dân chủ Đông Dương).

Ngày 19/5/1941, theo sáng kiến của đồng chí Hồ Chí Minh, Việt Nam độc lập đồng minh hội (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thành lập tại Pắc Pó (Cao Bằng). Đây là thời kỳ chính sách Mặt trận được đề ra cụ thể, được áp dụng sinh động và

các kinh nghiệm phong phú nhất. Nhờ chính sách Mặt trận đúng đắn, phong trào lan rộng, cơ sở Mặt trận phát triển rộng rãi, khi thời cơ đến, Việt Minh đã ra lệnh Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân.

“Việt Minh đã có công lớn trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, chống quân cướp nước. Công đức ấy tất cả mọi người Việt Nam phải ghi nhớ. Lịch sử của Việt Minh mười năm đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc cũng là những trang lịch sử vẻ vang vào bậc nhất của dân tộc Việt Nam ta”.

Sau cách mạng tháng Tám thành công, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Việt) được thành lập, thu hút thêm một số nhân sĩ, địa chủ yêu nước.

Đến 3/3/1951, Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt lấy tên là Mặt trận Liên Việt.

Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951) đã khẳng định: *“Mặt trận là một trong những trụ cột của Nhà nước dân chủ nhân dân, là sức mạnh vô biên của cuộc kháng chiến và kiến quốc, là cơ sở quần chúng rộng rãi, làm thành áo giáp vững bền của Đảng”*.

Sau Hiệp định Giơnevơ (7/1954), ngày 10/9/1955, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất đã quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đại hội đã thông qua cương lĩnh Mặt trận, chính sách đại đoàn kết toàn dân, vai trò và nhiệm vụ của Mặt trận đối với cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Đánh giá về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đại hội lần thứ III của Đảng đã khẳng định: *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đoàn kết các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ yêu nước và tán thành chủ nghĩa xã hội, nhờ đó đã động viên mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ của dân tộc để xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”*.

Ở miền Nam, ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đã kịp thời đề ra nhiều chủ trương chính sách nhằm đoàn kết toàn dân chống đế quốc Mỹ và bè lũ độc tài tay sai.

Ngày 20/1/1968, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam được thành lập nhằm đoàn kết và tranh thủ một số người ở thành thị, mở rộng thêm một bước Mặt trận chống Mỹ cứu nước.

Sau khi thống nhất nước nhà, ngày 31/1/1977, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất quyết định thống nhất ba tổ chức Mặt trận, lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua chương trình hoạt động và Điều lệ mới nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân để cùng nhau phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, XHCN và tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Trong lịch sử Việt Nam, từ năm 1930 đến nay, không có thời kỳ nào vắng bóng tổ chức Mặt trận. Lịch sử Cách mạng Việt Nam đã khẳng định Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam là vũ khí chính trị không thể thiếu được để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của mình trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mặt trận dân tộc thống nhất đã góp phần quan trọng xây dựng Đảng, xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân, củng cố khối liên minh công nông và tầng lớp trí thức, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong thời kỳ phát triển mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Mặt trận tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy cao độ nhân tài, vật lực của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, đồng tâm nhất trí đưa đất nước phát triển với tốc độ cao hơn, hiệu quả kinh tế xã hội lớn hơn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, bảo vệ vững chắc độc lập của Tổ quốc, đưa đất nước hội nhập với tiến trình phát triển của thế giới.

(Nguồn: thanglong.gov.vn)

**Kỷ niệm 84 năm Ngày Nam kỳ khởi nghĩa
(23/11/1940 – 23/11/2024)**



Ảnh tư liệu

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ, DIỄN BIẾN, KẾT QUẢ CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỲ

1. Bối cảnh lịch sử

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng phát xít Đức. Lợi dụng cơ hội này, cuối tháng 9/1940, phát xít Nhật kéo quân vào Đông Dương, từ đây Nhân dân ta lâm vào tình thế “*một cổ hai tròng*”.

Tháng 11/1940, bọn quân phiệt Thái Lan theo lệnh phát xít Nhật tiến đánh Campuchia. Thực dân Pháp bắt lính Nam Bộ ra trận làm bia đỡ đạn cho chúng. Căm thù thực dân Pháp và được cổ vũ bởi tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn, Nhân dân Nam Bộ sục sôi tranh đấu.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy (*khóa I*) từ ngày 6 đến ngày 8/11/1939 tại Bà Điểm (*Hóc Môn, Gia Định*) nhận định: Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật, cách mạng Đông Dương sẽ bùng nổ; do vậy, phải đoàn kết thực hiện bằng được nhiệm vụ chính cốt là đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc; chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và các cá nhân yêu nước.

Tinh thần Nghị quyết đã sớm đi vào đảng viên, quần chúng. Phong trào cách mạng ở Nam Kỳ ngày càng phát triển mạnh mẽ, liên tiếp diễn ra nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, đấu tranh. Đặc biệt là các cuộc đấu tranh chống bắt lính diễn ra mạnh mẽ kể từ khi thực dân Pháp bắt thêm lính Việt Nam đem sang chiến trường biên giới Ai Lao (*Lào*) - Cao Miên (*Campuchia*) để chống Xiêm (*Thái Lan*). Khí thế chiến đấu diễn ra hầu khắp Nam Kỳ, đặc biệt là ở Mỹ Tho, Vĩnh Long, Long Xuyên, Chợ Lớn, Gia Định, Tân An, Vũng Tàu, Trà Vinh...

Trên cơ sở đó, tháng 3/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư thảo ra Đề cương chuẩn bị bạo động. Từ tháng 7 đến tháng Kỷ niệm 82 năm Ngày Nam Kỳ Khởi nghĩa (23/11/1940 - 23/11/2022) 10/1940, Đảng bộ Nam Kỳ liên tiếp tổ chức nhiều cuộc họp để bàn chủ trương và gấp rút lãnh đạo Nhân dân chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, thông qua Đề cương; chủ trương thành lập Ban Chỉ huy và Ban Quân sự các cấp; xác định hình thức chính quyền, quốc kỳ, khẩu hiệu; vạch các chính sách đối với Nhân dân...

Đến giữa tháng 11/1940, trước tinh thần đấu tranh của quần chúng, đặc biệt là tinh thần phản chiến của binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động toàn Nam Kỳ nổi dậy đánh đổ chính quyền thuộc địa, giành chính quyền về tay Nhân dân. Ngày 21/11/1940, Thường vụ Xứ ủy ra thông báo cho các cấp bộ Đảng nhất loạt phát động Nhân dân nổi dậy vào lúc 24 giờ ngày 22/11/1940. Thời điểm hành động nhất loạt ở các tỉnh Nam Kỳ là lúc 0 giờ ngày 22, rạng 23/11/1940, hiệu lệnh là đèn Sài Gòn tắt hoặc có tiếng súng nổ.

Hội nghị Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng (*Bắc Ninh*) từ ngày 6 đến 9/11/1940 nhận định điều kiện khởi nghĩa ở Nam Kỳ và trong cả nước chưa chín muồi, đề nghị Xứ ủy Nam Kỳ chưa nên phát động khởi nghĩa. Trung ương phái đồng chí Phan Đăng Lưu trở về truyền đạt quyết định của Trung ương cho Xứ ủy Nam Kỳ. Nhưng khi đồng chí Phan Đăng Lưu về tới Sài Gòn thì lệnh khởi nghĩa đã ban hành tới các địa phương không thể thu hồi; một số cán bộ chủ chốt của Xứ ủy đã bị địch bắt, Cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra theo kế hoạch.

2. Diễn biến, kết quả Cuộc khởi nghĩa

Chỉ trong một thời gian ngắn kể từ khi Thường vụ Xứ ủy ra Đề cương chuẩn bị bạo động (*tháng 3/1940*), công tác chuẩn bị khởi nghĩa được triển khai rất khẩn trương; các tổ chức phản đế xuất hiện nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn. Mít tinh, biểu tình liên tiếp nổ ra. Nhiều nơi địch đến đánh phá, Nhân dân nổi trống mõ, uy hiếp địch, bảo vệ cán bộ. Các đội tự vệ, du kích phát triển ngay trong những xí nghiệp lớn ở Sài Gòn như Ba Son, nhà máy đèn Chợ Quán, trường Bách Nghệ... Ở nông thôn, phần lớn các xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các cơ sở sản xuất vũ khí làm việc suốt ngày đêm. Nhân dân quyên góp kim khí để đúc đạn; xuất hiện những cơ sở làm bom, lựu đạn xi măng, súng thô sơ ở Mốp Xanh (*Tân An*), Bà U (*Mỹ Tho*), chùa Hòa Thượng Đồng (*Rạch Giá*)... Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính với khẩu hiệu "*không một đồng xu, không một người lính cho đế quốc chiến tranh*" ngày càng lan rộng. Công tác binh vận được tổ chức ráo riết, phần lớn trong số 15.000 binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Sài Gòn sẵn sàng phối hợp nổi dậy.

Tuy nhiên, vì kế hoạch khởi nghĩa bị địch biết trước nên chúng lòng sục bắt bớ, giữ binh lính người Việt ở trong trại, tước vũ khí của binh lính phản chiến. Dù vậy, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch vào đêm 22 rạng sáng 23/11/1940.

Khởi nghĩa bùng nổ đồng loạt tại hầu hết các tỉnh Nam Kỳ với tinh thần quyết liệt, mạnh nhất là ở Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long... Lực lượng vũ trang và quần chúng đã nổi dậy tiến công địch ở các xã, tập kích nhiều đồn bót, tiến đánh một số quận lỵ, phá hỏng nhiều cầu, đường... Tại một số xã, quận, chính quyền địch hoang mang, tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng và trong nhiều cuộc biểu tình. Bọn phản cách mạng bị xét xử. Ruộng, thóc của địa chủ phản động được chia cho dân cày nghèo.

Ở Hóc Môn, dưới sự chỉ huy của đồng chí Mười Đen - Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, quân du kích và hàng nghìn đồng bào kéo đến vây công đồn, chặn đánh địch tiếp viện ở Cầu Bông, giết chết tên Chánh xứ tỉnh Tây Ninh, thu được hơn chục súng trường. Do quân của địch kéo đến nhiều, du kích không chiếm được đồn, tạm rút lên Truông Mít, Tây Ninh.

Tại Chợ Lớn, du kích tập trung ở Đức Hoà, Trung Quận, Cần Giuộc, mỗi nơi khoảng 400 đến 500 người. Ở Đức Hoà, quân du kích đánh tan toán lính địch tại Giồng Đa, giết chết tên đầu sỏ phản động. Tại Trung Quận, du kích cùng Nhân dân diệt tề, trừ gian, lập chính quyền cách mạng ở các xã dọc hai bên đường xe lửa. Ở Bến Lức, quân du kích dùng mưu dụ lính ra khỏi đồn, xông vào chiếm đồn lấy súng. Tại Cần Giuộc, du kích do đồng chí Nguyễn Thị Bảy, Tỉnh uỷ viên chỉ huy, cùng Nhân dân đánh chiếm trụ sở hội tề, tịch thu sổ sách, bằng triện, lập

chính quyền cách mạng ở các xã Phước Lai, Phước Vĩnh Đông, Tân Lập, Long Hậu, Long Đức.

Tại Vĩnh Long, quân du kích Vững Liêm đánh chiếm quận lỵ, công đồn. Quân địch hoảng sợ bỏ chạy, nghĩa quân lập Ủy ban cách mạng và giữ được đồn trong ba ngày.

Tại Tân An và Mỹ Tho, các xã thuộc hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông và hai bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, chính quyền đều về tay Nhân dân. Hàng nghìn du kích dưới sự lãnh đạo của Bí thư Tỉnh uỷ Mỹ Tho đã tiến đánh nhiều nơi, mở rộng vùng giải phóng. Chỉ tính riêng hai quận Châu Thành và Cai Lậy, ta đã giải phóng được 54/56 xã. Lo sợ trước phong trào nổi dậy ở Mỹ Tho, ngày 14/12/1940 địch phải dùng thủy, lục, không quân tiến công nhưng mãi đến 14/1/1941 chúng mới chiếm lại được các đồn, bót. Trong tình thế đó, quân du kích tạm rút vào Đồng Tháp Mười. Mỹ Tho là nơi giữ được chính quyền lâu nhất.

Ngay từ khi được tin Nam Kỳ khởi nghĩa, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra thông báo khẩn cấp, chỉ thị cho các địa phương “*chia lửa*” với Nam Kỳ. Từ việc rải truyền đơn, bãi khóa, bãi thị đến việc phát động du kích, nếu có điều kiện phá đường, cầu cống ngăn quân thù đàn áp. Nhưng thực dân Pháp khủng bố khốc liệt, càn quét các vùng khởi nghĩa, tiêu diệt chính quyền cách mạng, cho máy bay dội bom xuống làng mạc, thôn xóm. Tính từ ngày 22/11 đến ngày 31/12/1940, thực dân Pháp gây ra hơn 5.000 vụ bắt bớ; hàng ngàn người bị xử tử, tù đày, tra tấn vô cùng tàn bạo.

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (*Gia Định*) quyết định rút lui cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Đảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Đăng Lưu...

II. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ý nghĩa lịch sử

Diễn ra trong một thời gian ngắn nhưng khởi nghĩa Nam Kỳ là cuộc khởi nghĩa vũ trang có phạm vi rộng nhất và mức độ quyết liệt nhất kể từ khi thực dân Pháp xâm chiếm lục tỉnh Nam Kỳ năm 1867 đến thời điểm đó. Tuy thất bại nhưng khởi nghĩa Nam Kỳ có ý nghĩa lịch sử sâu sắc đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của Nhân dân ta:

- Cùng với khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ “*là những tiếng sấm báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương*”. Cuộc khởi nghĩa đã thể hiện sức mạnh

quật khởi, lòng tin tưởng và sẵn sàng hy sinh của Nhân dân các tỉnh Nam Bộ trong cuộc đấu tranh giành tự do, độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chính vì lẽ đó, ngày 14/11/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh 163-SL tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất cho Đội quân khởi nghĩa Nam Bộ năm 1940. Đó là sự khắc ghi của dân tộc đối với công lao và sự hy sinh của quân và dân Nam Kỳ.

- Từ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nhiều cán bộ của Đảng được rèn luyện, thử thách. Sau khởi nghĩa, một đội ngũ cán bộ, đảng viên trung thành với lý tưởng của Đảng, gương mẫu chiến đấu hy sinh vì quyền lợi của dân tộc, của Nhân dân đã trưởng thành và đảm đương những trọng trách mà Đảng ta giao phó về sau. Từ đây, có hàng vạn quân chúng Nhân dân yêu nước được thử thách trong đấu tranh, tiếp tục đi theo Đảng thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc tiến tới giành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945.

- Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tính nhân dân rộng rãi và sâu sắc. Đó là minh chứng sinh động cho chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng với phương pháp đấu tranh vũ lực là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo. Đồng thời, khởi nghĩa Nam Kỳ cũng là cơ sở thực tiễn để Đảng ta hoàn thiện con đường chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Từ kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa ở Bắc Sơn, Nam Kỳ, binh biến Đô Lương, Đảng đã có những bước đi cần trọng, chu đáo trong đánh giá, xác định thời cơ, chuẩn bị lực lượng... đi tới giải phóng toàn dân tộc.

- Với cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, từ trong quá trình chuẩn bị và diễn ra, lần đầu thiết chế “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” được đề cập trong truyền đơn rải ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và tiêu ngữ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quốc” được viết trên các băng rôn treo trước trụ sở các ủy ban cách mạng ở Long Hưng, Vĩnh Kim (Mỹ Tho). Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh xuất hiện trong khởi nghĩa Nam Kỳ đã trở thành biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân, biểu tượng của tinh thần và ý chí đấu tranh cách mạng của Nhân dân. Cờ đỏ sao vàng năm cánh sau đó đã được Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn làm biểu tượng của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh và đến ngày 9/11/1946 được ghi chính thức trong Hiến pháp, thông qua tại kỳ họp Quốc hội thứ hai (*khóa I*).

2. Bài học kinh nghiệm

Khởi nghĩa Nam Kỳ là thực tiễn sinh động về phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và để lại những bài học quý báu, đó là:

Một là, bài học về cụ thể hóa đường lối của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương, phải đặt địa phương trong mối tương quan với cả nước và có sự phối hợp khởi nghĩa giữa các địa phương trong cả nước. Một trong những nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ là vì chưa được đặt trong sức mạnh chung của toàn quốc.

Hai là, bài học về công tác chuẩn bị các điều kiện cần và đủ cho một cuộc khởi nghĩa nổ ra có thể giành được thắng lợi, đặc biệt là chuẩn bị về lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang và khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh du kích, xây dựng và kiểm tra kế hoạch, phát hiệu lệnh khởi nghĩa.

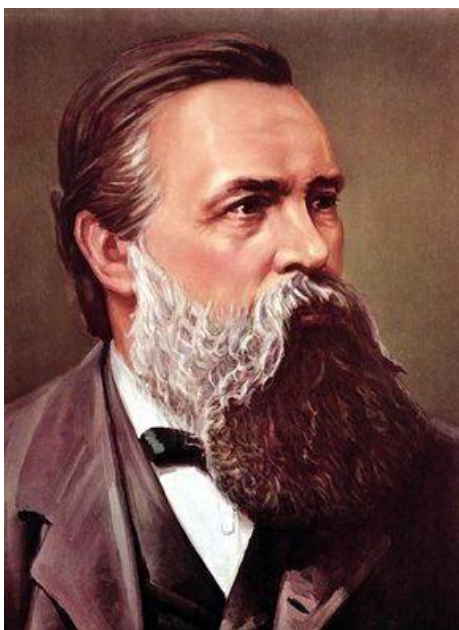
Ba là, bài học về xây dựng đội quân chủ lực, xác định rõ các lực lượng phối hợp của cuộc khởi nghĩa và đánh giá đúng vai trò của các lực lượng. Lực lượng vũ trang của binh lính là quan trọng nhưng quyết định vẫn là quần chúng công nông.

Bốn là, bài học về việc giữ vững sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và quần chúng; không ngừng xây dựng lực lượng cách mạng trong quần chúng; khơi dậy và nâng lên sức mạnh vĩ đại từ sự đồng tâm, hiệp lực của quần chúng. Năm là, bài học về tính khoa học của kế hoạch lãnh đạo khi tiến công và thoái thủ; dự trù các phương án thắng - thua và khả năng giải quyết nếu khởi nghĩa thất bại; kế hoạch rút lui bảo toàn cơ sở và lực lượng.

(Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương)

**Kỷ niệm 204 năm Ngày sinh Ph. Ăng-ghen
(28/11/1820 – 28/11/2024)**

Phridorich Ăngghen (*Friedrich Engels*) là nhà lý luận chính trị, là một triết gia và nhà khoa học người Đức thế kỷ 19, người cùng với Các Mác (*Karl Marx*) đã sáng lập và phát triển chủ nghĩa cộng sản và là lãnh tụ của phong trào công nhân thế giới và Quốc tế.



Phridorich Ăngghen sinh ngày 28 tháng 11 năm 1820, ở thành phố Barmen, tỉnh Rhein, Vương quốc Phổ trong một gia đình chủ xưởng dệt. Cha ông là người

rất sùng đạo, song trong công việc là người có nghị lực, tháo vát, về chính kiến là người bảo thủ. Mẹ Ăngghen xuất thân từ môi trường trí thức, một phụ nữ nhạy cảm, đôn hậu, hoạt bát, đặc biệt thích hài hước và yêu văn học nghệ thuật. Ông ngoại Ăngghen là nhà ngôn ngữ học cũng có ảnh hưởng lớn đến Ăngghen. Ăngghen có tám anh chị em. Các em trai của Ăngghen đều đi theo con đường đã vạch sẵn của người cha, trở thành những chủ xưởng.

Sống ở một trung tâm công nghiệp lớn của tỉnh Rhein, ngay từ thời thơ ấu Ăngghen đã nhìn thấy bức tranh đa dạng sự bần cùng không lối thoát của người dân lao động.

Từ nhỏ Ăngghen đã bộc lộ tính cách độc lập. Những lời dạy bảo nghiêm khắc và những sự đe dọa trừng phạt của cha không thể làm cho ông đi đến chỗ phải phục tùng mù quáng. Cho đến năm 14 tuổi, Ăngghen học tại thành phố Barmen. Tháng Mười 1834, Ăngghen chuyển sang học ở trường trung học Elberfelder, một trường tốt nhất ở Phổ thời bấy giờ.

Ngay khi còn học ở Trường trung học, Ăngghen đã căm thù chế độ chuyên chế và sự chuyên quyền của bọn quan lại. Những tâm trạng đối lập với chế độ chuyên chế Phổ đã góp phần thức tỉnh rất sớm ý thức chính trị ở Ph. Ăngghen.

Năm 1837, theo yêu cầu của bố, Ăngghen buộc phải rời khỏi trường trung học khi chưa tốt nghiệp để bắt đầu công việc buôn bán ở văn phòng của bố. Công việc kinh doanh không mấy hấp dẫn Ăngghen song Ăngghen có thể sử dụng được nhiều thời giờ rỗi vào việc tự học và nghiên cứu trong các lĩnh vực sử học, triết học, văn học, ngôn ngữ và thơ ca những môn rất hấp dẫn đối với Ăngghen. Tháng 6 năm 1838, theo yêu cầu của bố, Ăngghen đến làm việc tại văn phòng thương mại lớn của một thương nhân ở thành phố cảng Barmen.

Tại thành phố cảng lớn buôn bán với nhiều nơi trên thế giới, Ăngghen đã mở rộng tầm hiểu biết về nền văn học và báo chí nước ngoài. Tác động của cuộc cách mạng dân chủ tư sản đã chín muồi ở Đức hồi bấy giờ đã thúc đẩy ở Ăngghen hình thành các quan điểm dân chủ - cách mạng.

Gần như trùng hợp, cuối năm 1939 (*hai năm sau so với Các Mác*), Ăngghen bắt tay vào nghiên cứu các tác phẩm của Hêghen (*Hegel*). Cái hấp dẫn của Hêghen (*trong cuốn Triết học lịch sử*) đối với Ăngghen là tư tưởng về vận động tiến lên của lịch sử loài người đến những hình thái cao hơn. Trong hoạt động chính luận của Ăngghen, người ta thấy ảnh hưởng tư tưởng đó của Hêghen, song ở Ăngghen là quan điểm biện chứng đối với lịch sử loài người và các hiện tượng của đời sống xã hội, là sự vận dụng những tư tưởng cơ bản của phép biện chứng của Hêghen vào thực tiễn cuộc sống. Ăngghen quyết định không trở thành thương gia như ý chí của bố để hiến thân cho một sự nghiệp khác cao cả hơn.

Tháng 9 năm 1841, Ăngghen đến Berlin và gia nhập binh đoàn pháo binh. Ở đây, Ăngghen được huấn luyện quân sự mà kiến thức thu lượm được trong

những năm sau, ông rất cần đến nó. Thời gian này ông vẫn lui tới trường Đại học Tổng hợp Berlin nghe các bài giảng triết học, tham gia hội thảo về lịch sử tôn giáo. Những bước đi đầu tiên của Ăngghen đến với chủ nghĩa duy vật thể hiện ở chỗ Ăngghen đã phát triển và bảo vệ tư tưởng về sự thống nhất của thế giới, tư tưởng về sự tất yếu nội tại và tính quy luật.

Mùa xuân năm 1842, Ăngghen bắt đầu cộng tác với tờ Rheinische Zeitung (*Nhật báo tỉnh Ranh*). Phái Hêghen trẻ tích cực tham gia tờ báo này, song từ tháng 10/1842, khi Các Mác lãnh đạo Ban biên tập thì tờ báo ngày càng mang tính chất dân chủ cách mạng triệt để. Trong những bài báo in năm 1842, trên tờ Rheinische Zeitung cùng với Mác, Ăngghen đã lên tiếng phản kháng chế độ kiểm duyệt của Chính phủ Vương quốc Phổ, trật tự phong kiến ở Đức.

Ngày 8 tháng 10 năm 1842, Ăngghen mãn hạn phục vụ trong quân đội. Từ Berlin ông trở về thành phố quê hương Barmen, một tháng sau, Ăngghen lên đường sang nước Anh thực tập buôn bán tại nhà máy kéo sợi bông thuộc công ty mà bố ông là đồng chủ nhân. Trên đường sang Anh, Ăngghen ghé thăm trụ sở tờ Rheinische Zeitung ở Koln (*Kiôln*) và lần đầu tiên, Ăngghen có cuộc gặp gỡ với Các Mác, Tổng Biên tập tờ báo. Sang nước Anh, Ăngghen lưu lại hai năm. Thời gian đó là trường học tuyệt vời giúp Ăngghen trở thành nhà xã hội chủ nghĩa. Bài báo Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh (1842) cùng với những bài báo khác của Ăngghen viết ra năm đó đã phân tích rõ sự phân chia xã hội thành ba giai cấp cơ bản: giai cấp quý tộc chiếm hữu ruộng đất, giai cấp tư sản công nghiệp và giai cấp vô sản. Ăngghen nhận định, không thể xoá bỏ được mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, ông đi đến kết luận rằng sau cuộc đấu tranh của các đảng phái ẩn giấu cuộc đấu tranh của các giai cấp. Thời gian này Ăngghen chưa hoàn toàn đoạn tuyệt với quan điểm của phái Hêghen trẻ.

Tuy nhiên, thời gian sống ở Anh đã có ý nghĩa quyết định đối với Ăngghen trong việc dứt khoát từ bỏ những quan điểm duy tâm để trở thành nhà duy vật. Ăngghen tham gia viết báo cho tờ tạp chí Deutsch - Franzosische Jahrbucher (*Niên giám Pháp - Đức*) ra đời vào tháng 2/1844. Các bài báo của Ăngghen đăng trên tạp chí này là những bài báo đầu tiên đề cập đến việc áp dụng phương pháp biện chứng vào việc phân tích các quan hệ kinh tế của xã hội tư sản. Xem xét các hiện tượng kinh tế trong mối quan hệ qua lại và trong sự phát triển, Ăngghen đã chỉ ra sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, coi đó là cơ sở của sự phát triển. Tác phẩm **Những phác thảo phê phán môn kinh tế chính trị học** của Ăngghen có giá trị to lớn ở chỗ ông đã chỉ rõ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa là cơ sở của toàn bộ sinh hoạt vật chất và tinh thần của xã hội tư sản. Tháng 8 năm 1844, trên đường về Tổ quốc, Ăngghen ghé lại Paris gặp Các Mác. Từ đó bắt đầu sự cộng tác chặt chẽ giữa hai người.

Tháng 2 năm 1845, cuốn sách **Gia đình thánh** của Mác và Ăngghen ra đời đã phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa duy tâm chủ quan của phái Hêghen trẻ mà thực

chất là phê phán toàn bộ chủ nghĩa duy tâm và phương pháp của nó, đồng thời nêu lên luận điểm hết sức quan trọng về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Hai ông cũng hợp sức viết công trình nổi tiếng Hệ tư tưởng Đức (1845 - 1846) phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa duy tâm của Hêghen và phái Hêghen trẻ đồng thời phê phán chủ nghĩa duy vật không nhất quán của Luivich Phoiobach (*Ludwig Feuerbach*) nêu ra những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Tiếp sau đó, Đại hội II Liên đoàn những người cộng sản đã uỷ nhiệm Mác và Ăngghen cùng viết **Tuyên ngôn của đảng cộng sản**. Hai ông đã lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm thế giới quan của đảng vô sản.

Năm 1848, ở nước Pháp, Mác và Ăngghen đã ra sức củng cố những mối liên hệ với các hoạt động phong trào dân chủ và cộng sản ở Pháp. Những năm tháng sống ở Paris, Ăngghen quan tâm nhiều đến hoạt động Ban Chấp hành Trung ương Liên đoàn những người cộng sản (*LĐNNCS*) và trở thành Ủy viên của Ban lãnh đạo và là một trong những người lãnh đạo Câu lạc bộ công nhân Đức do Ban chấp hành Trung ương LĐNNCS sáng lập.

Tháng 3 năm 1848 cùng với Mác, Ăngghen đã thảo ra **Những yêu sách của Đảng cộng sản Đức** được Ban Chấp hành Trung ương LĐNNCS thông qua như là văn kiện có tính chất cương lĩnh cho hành động của giai cấp vô sản Đức. Tháng 4 năm 1848 cùng với Mác, Ăngghen trở về Đức tham gia trực tiếp vào cuộc cách mạng Đức. Ngày 20 tháng 5 năm 1848, Ăngghen đến Koln cùng Mác chuẩn bị xuất bản tờ báo *Neue Rheinische Zeitung (Báo mới tỉnh Ranh)* mà hai ông là linh hồn của tờ báo. Cuối tháng 8 năm 1848, khi Mác đi Berlin (*Đức*) và Viên (*Áo*) để quyền tiền cho việc tiếp tục xuất bản tờ báo, Ăngghen thay thế cương vị Tổng Biên tập của Mác, đứng mũi chịu sào trước những truy bức không ngừng của vương quốc Phổ, ông đã thể hiện một nghị lực phi thường và tài năng tổ chức của một lãnh tụ cách mạng. Ngoài ra, Ăngghen còn tích cực tham gia vào phong trào quần chúng rộng lớn, đòi thành lập Ủy ban an ninh bảo vệ quyền lợi của tầng lớp nhân dân bị pháp luật Phổ tước bỏ quyền đại diện ở Quốc hội. Tháng 10 năm 1848 Ăngghen vội vã rời Barmen lên đường đi Bỉ để tránh lệnh truy nã của chính quyền Phổ. Nhà đương cục Bỉ không cho Ăngghen cư trú chính trị và ngày 5 tháng 10 năm 1848, Ăngghen đến Paris lưu lại ít ngày sau đó, đi Thụy Sĩ tham gia Đại hội các liên đoàn công nhân Đức. Ăngghen được bầu vào Ủy ban Trung ương của tổ chức này.

Tháng Giêng năm 1849, khi không còn nguy cơ bị bắt ở Đức nữa, Ăngghen trở về Koln tiếp tục hoạt động cách mạng. Trên tờ báo *Neue Rheinische Zeitung*, Ăngghen đánh giá cao chiến thuật quân sự của quân đội cách mạng Hongrie. Họ biết dùng chiến tranh du kích để đánh bật kẻ địch ra khỏi vị trí của chúng. Nhận định của Ăngghen chứng tỏ ông còn là một nhà lý luận và nhà chiến lược quân sự. Khi cuộc đấu tranh bùng nổ ở Tây và Nam nước Đức (*Tháng 5/1849*),

Ăngghen đã vạch ra một kế hoạch hoạt động quân sự, trong đó ông đã đề ra kế hoạch nghi binh thu hút đại bộ phận quân Phổ để có thời gian thành lập quân đội cách mạng ở hữu ngạn sông Rhein đồng thời với việc tổ chức các cuộc khởi nghĩa và những trận đánh ở chiến lũy các thành phố nhỏ nằm bên tả ngạn. Nhờ thế mà cuộc khởi nghĩa được triển khai ra khắp nước.

Ngày 10 tháng 5 năm 1849, Ăngghen đến Elberfeld và được sung vào Ban quân sự trực tiếp lãnh đạo việc xây dựng công sự, trông coi tất cả các chiến lũy trong thành phố đồng thời kiêm nhiệm phụ trách pháo binh. Sau cuộc khởi nghĩa ở Tây - Nam nước Đức, Ăngghen đưa ra một kế hoạch đã suy nghĩ kỹ để triển khai cuộc đấu tranh cách mạng và đẩy lên thành phong trào toàn nước Đức. Trong thời kỳ này bản thân Ăngghen trực tiếp tham gia bốn trận đánh lớn, trong đó có trận Rastatt, một trận có ý nghĩa đặc biệt to lớn. Vì vậy mà sau đó, Ăngghen đã viết trước tác Luận văn quân sự nổi tiếng. Trước tác này đã nói lên khả năng thiên tài quân sự của ông.

Tháng 11 năm 1849, Ăngghen đến London (*London*) của nước Anh và được bổ sung ngay vào BCH Trung ương LDNNCS mà Các Mác đã cải tổ sau khi đến đây. Ăngghen sống ở London một năm, trong thời gian đó ông đã viết các tác phẩm Cách mạng và phản cách mạng ở Đức, Cuộc chiến tranh nông dân ở Đức.

Tháng 11 năm 1850, Ăngghen buộc phải chuyển đến Manchester (*Anh*) và lại bắt đầu làm việc ở Văn phòng thương mại. Ăngghen đặc biệt chú ý nghiên cứu các môn khoa học tự nhiên, môn quân sự, chính sách quốc tế. Cùng với Các Mác, Ăngghen tham gia lãnh đạo Quốc tế I. Tháng 9 năm 1870, Ăngghen quay trở lại London và được đưa vào Tổng Hội đồng của Quốc tế I. Ở đó, Ăngghen kiên trì đấu tranh chống lại quan điểm cơ hội của Phái Bakunin, Proudhon, Lassalle. Năm 1872, Ăngghen tham gia vào việc tổ chức chiến dịch bảo vệ Công xã Paris.

Trong thời gian này, Ăngghen viết một số tác phẩm có giá trị lý luận, đặc biệt là cuốn **Chống Duyrinh** (1878) góp phần to lớn cho việc hoàn thiện lý luận của chủ nghĩa Mác. Sau khi Các Mác qua đời (1883), Ăngghen là người lãnh đạo tổ chức những người theo chủ nghĩa xã hội ở châu Âu, hoàn thiện bản thảo và chuẩn bị cho in tập II và III của bộ Tqj bản mà Mác chưa kịp hoàn thành. Ăngghen viết nhiều tác phẩm nổi tiếng vào những năm cuối đời: **Nguồn gốc gia đình, Chế độ tư hữu và Nhà nước** (1884), **Luivich Phoiobach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức** (1866); **Biện chứng tự nhiên; Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức** (1894). Những tác phẩm này của Ăngghen, ngoài ý nghĩa tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản khoa học, còn có ý nghĩa về mặt giá trị lý luận và thực tiễn cao, đồng thời làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác.

Phridorich Ăngghen mất ngày 05 tháng 8 năm 1895 tại làng Yoking gần thủ đô London, thi hài ông sau đó được hỏa táng và thủy táng xuống biển.

(*Nguồn: Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*)

V. THANH NIÊN CẦN BIẾT

Những chính sách có hiệu lực trong tháng 11/2024

1. 05 hình thức giám sát cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ

Từ 15/11, **Thông tư số 46/2024/TT-BCA ngày 30/9/2024** sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông chính thức có hiệu lực.

Đáng chú ý, thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 11 “*Hình thức giám sát của nhân dân*”. Trong đó, nhân dân được giám sát thông qua các hình thức sau: Tiếp cận thông tin công khai của lực lượng công an và trên các phương tiện thông tin đại chúng; qua các chủ thể giám sát theo quy định của pháp luật; tiếp xúc, giải quyết trực tiếp công việc với cán bộ, chiến sĩ; kết quả giải quyết các vụ việc, đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; quan sát trực tiếp công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

2. Nhiều chính sách của nhà nước về hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Chính phủ ban hành **Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024** quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định nhiều chính sách của nhà nước về hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã **có hiệu lực từ ngày 1/11/2024** như: Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ thông tin; chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn; chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả; chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường; chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị; chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro; chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp...

3. Sửa quy định về xử lý đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tẩy xóa, sửa chữa

Chính phủ ban hành **Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/9/2024** sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong đó, Nghị định số 117/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP liên quan đến việc áp dụng hình thức xử phạt bổ

sung: "Tịch thu tang vật là giấy phép, chứng chỉ hành nghề... bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung" đối với hành vi cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động thành biện pháp khắc phục hậu quả "buộc nộp lại giấy chứng nhận, xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy chứng nhận, xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ đó". Nghị định số 117/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày **15/11/2024**

4. Thông tư quy định mới về mức lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hàng loạt Thông tư quy định về mức lãi suất của tổ chức, cá nhân có **hiệu lực từ ngày 20/11/2024**. Cụ thể:

- **Thông tư 46/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024** về quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Thông tư nêu rõ: Tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đô la Mỹ không vượt quá mức lãi suất tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ đối với tiền gửi của tổ chức và tiền gửi của cá nhân.

Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ quy định tại Thông tư này bao gồm các khoản chi khuyến mại dưới mọi hình thức, áp dụng đối với phương thức trả lãi cuối kỳ và các phương thức trả lãi khác được quy đổi theo phương thức trả lãi cuối kỳ.

- Thông tư số 47/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024 sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Một điểm đáng chú ý trong Thông tư số 47/2024/TT-NHNN là quy định rõ ràng về mức lãi suất áp dụng khi khách hàng rút tiền gửi trước hạn. Cụ thể, nếu khách hàng rút trước hạn toàn bộ số tiền gửi, tổ chức tín dụng sẽ áp dụng mức lãi suất tối đa bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó, theo từng đối tượng khách hàng hoặc loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm rút trước hạn.

- Thông tư 48/2024/TT-NHNN 30/9/2024 quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trong đó, Thông tư nêu rõ lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam không vượt quá lãi suất tối đa với tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 1 tháng, có kỳ hạn từ 1 - dưới 6 tháng trong từng thời kỳ và từng loại hình tổ chức tín dụng.

5. Quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Chính phủ ban hành **Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 6/9/2024** quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng **có hiệu lực từ ngày 1/11/2024**.

Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, duy trì và cập nhật thông qua phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu truy nhập và sử dụng thông tin của các ngành kinh tế và phục vụ lợi ích công cộng.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng; cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng; cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng và các hoạt động khác liên quan đến đầu tư xây dựng.

Nghị định quy định hình thức khai thác cơ sở dữ liệu gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và bằng văn bản theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin đối với các thông tin, dữ liệu không thuộc dữ liệu mở quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

Nguồn: baohinhphu.vn